TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04/7/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Đương;

Bà Thạch Thị Yến Linh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Đầy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:*** Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc*"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Nhật Trường H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khóm Mỹ C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Kim H1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Nhật Trường H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Vào năm 2019 chị và anh Kim H1 được sự mai mối của hai bên gia đình nên tiến tới hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới chị và anh H1 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C. Quá trình chung sống, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi về kinh tế, không còn quan tâm đến nhau,

làm cho tình cảm vợ chồng không còn nên đã ly thân từ cuối năm 2019 cho nay. Nên từ đó chị mới làm đơn xin ly hôn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kim H1.

- Về con chung: Chị Trần Thị Nhật Trường H và anh Kim H1 không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Kim H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Nhật T Hân được ly hôn với anh Kim H1, về con chung chị H và anh H1 không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và số nợ phải thu phải trả, chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét .

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Trần Thị Nhật Trường H phải chịu án phí theo quy định.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Kim H1 là bị đơn trong vụ án, vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Trần Thị Nhật Trường H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Kim H1, địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về hôn nhân*: Vào 2019 chị H và anh Kim H1 xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do thường xuyên xảy ra cự cãi về kinh tế, vợ chồng không quan tâm đến nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt nên vợ chồng chị đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Kim H1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng cho anh H1 theo quy định, anh H1 đã biết việc chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H1 nhưng quá trình giải quyết vụ án anh H1 đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh H1 có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Khi mâu thuẫn xảy ra thì chị H và anh H1 đều bỏ mặt, không quan tâm nhau. Tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định chị không còn tình cảm với anh H1, chị cương quyết xin ly hôn với anh Kim H1. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, về hôn nhân xử cho chị H được ly hôn với anh Kim H1.

[4] *Về con chung:* Chị H và anh H1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả*: Chị H không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Trần Thị Nhật Trường H phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Nhật Trường H.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị Nhật T Hân được ly hôn với anh Kim H1.

- *Về con chung* Chị Trần Thị Nhật Trường H và anh Kim H1 không có con chung, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả*: Chị H không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Trần Thị Nhật Trường H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015685, ngày 27 tháng 3 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị H đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Kim H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà